

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88 /2021/HNGĐ - ST

Ngày: 17/5/2021

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Đại

- Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Văn Dương

Bà: Lê Thị Sử

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hường -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thái Thị X, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện Đ, tỉnh N. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Cảnh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện Đ, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19/2/2021 và tại bản tự khai của nguyên đơn chị Thái Thị X trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị X và anh Nguyễn Cảnh T kết hôn vào ngày 23/6/1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tình cảm, tình tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Nay xét

thấy tình cảm với anh T không còn nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Toàn.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị X và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 16/9/2001, hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Thái Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập anh Nguyễn Cảnh T để làm việc nhưng anh Toàn có tình vắng mặt không có lý do.

Tại công văn số 108/UBND-TP ngày 08/3/2021 của UBND xã G cung cấp: Chị Thái Thị X và anh Nguyễn Cảnh T có hộ khẩu cư trú tại xóm Đ, xã G. Sau khi chị X đi xuất khẩu lao động từ Malaixia về thì vợ chồng mẫu thuẫn dẫn đến không sống chung với nhau nữa và chị X cùng con chung về sống với mẹ đẻ và chị X và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T nhưng hiện tại cháu đã đủ 18 tuổi, trưởng thành đã có công việc tự lập và nuôi sống bản thân không phải ai chăm sóc nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thái Thị X được ly hôn anh Nguyễn Cảnh T.

- Về con chung: Miễn xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình do nguyên đơn chị Thái Thị X yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Cảnh T có địa chỉ xóm T, xã G, huyện Đ, tỉnh N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho cả nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, chị Thái Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh Nguyễn Cảnh T vắng mặt không có lý. Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị X và anh Nguyễn Cảnh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/6/1995 tại UBND xã G, huyện Đ, tỉnh N, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ từ khi chị X đi xuất khẩu lao động từ Malaixia về, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục tôn đạt, triệu tập, thông báo hòa giải nhưng anh Nguyễn Cảnh T cố tình vắng mặt không có lý do, không chấp hành thông báo làm việc, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, điều này chứng tỏ anh T không thật sự có ý thức níu kéo hạnh phúc gia đình. Chị X đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử để chị sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ vào hồ sơ vụ án thu thập và thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh T không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên chấp nhận yêu cầu của chị X được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật

- Về quan hệ con chung: Chị Thái Thị X và anh Nguyễn Cảnh T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 16/9/2001, hiện cháu đã đủ 18 tuổi trưởng thành, không có yêu cầu cấp dưỡng nên miễn xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Thái Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]. Về án phí: Chị Thái Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân gia đình và khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 147, các điểm a, b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thái Thị X được ly hôn anh Nguyễn Cảnh T.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu nên miễn xét

4. Về án phí: Buộc chị Thái Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo biên lai số 0003705 ngày 19/02/2021. Chị Thái Thị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND H.Đô Lương;
- Chi cục T.H.A dân sự H. Đô Lương;
- UBND xã G;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Đại